

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2015

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2015

(NIÊN ĐỘ 01/07/2015 ĐẾN 30/06/2016)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2015	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015	6 - 7
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		843.194.629.903	992.936.279.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.335.707.069	15.558.653.641
1. Tiền	111		16.335.707.069	15.558.653.641
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		625.651.484.383	591.676.412.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	121.816.751.487	93.402.822.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	342.811.446.488	361.612.913.871
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		78.462.460.647	79.866.967.860
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	83.856.892.899	58.089.775.363
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(1.296.067.138)	(1.296.067.138)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		175.214.481.739	372.850.647.510
1. Hàng tồn kho	141	V.8	175.214.481.739	372.850.647.510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.992.956.712	12.850.565.618
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	25.992.956.712	12.850.565.618
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.523.841.075.491	1.447.720.137.765
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.105.776.077
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	-	2.105.776.077
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định		220		1.230.677.370.858	1.233.474.842.123
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.11	1.224.552.824.197	1.227.187.949.250
<i>Nguyên giá</i>		222		2.351.573.951.409	2.351.026.629.909
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(1.127.021.127.212)	(1.123.838.680.659)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.12	6.124.546.661	6.286.892.873
<i>Nguyên giá</i>		228		14.750.860.332	14.750.860.332
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(8.626.313.671)	(8.463.967.459)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		154.044.077.683	81.844.391.820
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.13	154.044.077.683	81.844.391.820
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		106.668.795.644	99.876.753.503
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.14	77.296.093.886	70.967.611.048
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	V.15	47.033.790.000	47.033.790.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.16	15.490.700.000	15.490.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	V.17	(33.151.788.242)	(33.615.347.545)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		32.450.831.306	30.418.374.242
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.18	29.682.234.810	27.649.777.746
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		2.768.596.496	2.768.596.496
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.367.035.705.394	2.440.656.416.932

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

C - NỢ PHẢI TRẢ	300		872.544.309.891	960.677.191.126
I. Nợ ngắn hạn	310		818.968.296.418	907.090.400.953
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.29	37.752.553.731	32.450.414.108
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	5.475.264.000	8.900.764.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	12.140.050.339	6.471.593.803
4. Phải trả người lao động	314		7.609.455.815	4.321.698.461
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	4.828.177.146	31.262.942.080
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	27.156.909.584	20.262.762.010
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	657.476.317.043	734.103.709.294
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	66.529.568.760	69.316.517.197
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		53.576.013.473	53.586.790.173
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.27	53.576.013.473	53.586.790.173
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.494.491.395.503	1.479.979.225.806
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.493.238.537.246	1.479.345.917.549
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.28	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.28	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	551.866.229.432	565.360.841.491

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.28	-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.195.896.030	33.808.664.274
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	V.28	47.414.608.337	20.001.970.576
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		13.781.287.693	13.806.693.698
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.252.858.257	633.308.257
1.	Nguồn kinh phí	431	V.29	1.169.523.593	549.973.593
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.30	83.334.664	83.334.664
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.367.035.705.394	2.440.656.416.932

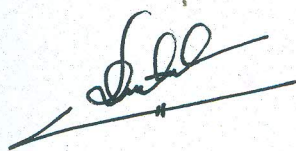
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.34	-	19.459.985.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	1.594.806.581	1.594.806.581
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1.160,45	894,33
Euro (EUR)		104,80	104,80

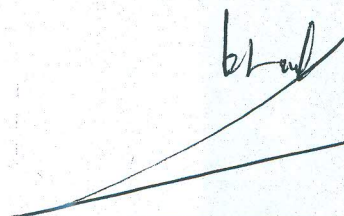
Lập ngày 15 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Đức Anh



Lê Thị Huệ



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

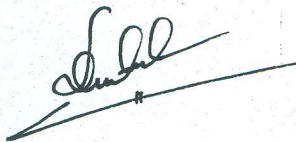
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I - Niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	344.544.900.730	317.310.016.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	344.544.900.730	317.310.016.879
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	299.730.961.204	272.856.846.182
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.813.939.526	44.453.170.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.000.622.980	77.819.359
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.291.175.744	15.282.726.313
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.454.140.905	13.234.540.663
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.369.364.422	5.175.673.124
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.309.187.696	7.796.424.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.844.834.644	16.276.166.336
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17.701.485	92.164.473
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.067.608.614	1.090.305.853
13. Lợi nhuận khác	40		(2.049.907.129)	(998.141.380)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.794.927.515	15.278.024.956
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	3.013.639.822	3.619.206.935
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.781.287.693	11.658.818.021

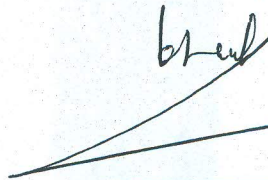
Lập ngày 15 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



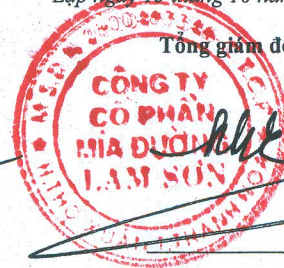
Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.794.927.515	15.278.024.956
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.344.792.765	26.569.418.025
- Các khoản dự phòng	03		(463.559.303)	2.046.997.650
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		102.720.472	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.454.140.905	13.234.540.663
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.233.022.354	57.128.981.294
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.000.499.218)	14.838.639.224
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		197.636.165.771	241.011.345.799
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(34.385.160.790)	(47.321.711.656)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.174.848.158)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9.708.635.640)	(7.753.997.043)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		619.550.000	144.428.869
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.153.031.700)	(16.307.037.117)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		129.066.562.619	241.740.649.370
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(51.362.116.940)	(44.780.305.312)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.662.116.940)	(44.780.305.312)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		237.442.100.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(314.069.492.251)	(134.374.353.195)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(49.670.802.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(76.627.392.251)	(184.045.155.661)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		777.053.428	12.915.188.397
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.558.653.641	38.258.071.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	16.335.707.069	51.173.260.181

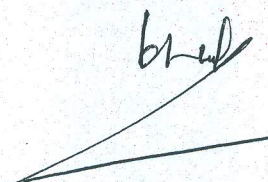
Lập ngày 15 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



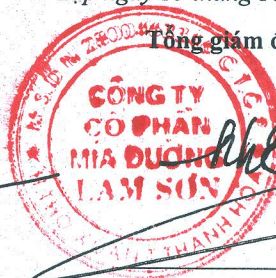
Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Kỳ kế toán bắt đầu áp dụng lần đầu là từ 01/07/2015 đến 30/06/2016.

Theo đó:

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 tức là Quý I của Năm tài chính chuyển đổi.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 - 35
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/07/2015 đến 30/09/2015, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chi tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	592.796.051	401.342.012
Tiền gửi ngân hàng	15.742.911.018	15.157.311.629
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>16.335.707.069</u>	<u>15.558.653.641</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>121.816.751.487</u>	<u>93.402.822.442</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	286.734.531.897	289.322.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	56.076.914.591	72.290.916.817
Cộng	<u>342.811.446.488</u>	<u>361.612.913.871</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNCN	103.334.252	5.493.062
Phải thu BHXH của CBCNV	418.467.585	498.722.813
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư tài chính	1.262.860.000	1.162.860.000
Tạm ứng	2.132.977.212	2.293.757.839
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	66.138.059.590	41.907.229.264
Các khoản phải thu khác	5.297.133.954	3.717.652.079
Cộng	<u>83.856.892.899</u>	<u>58.089.775.363</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1.296.067.138)	(1.296.067.138)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	25.564.036.247	28.459.092.252
Công cụ, dụng cụ	612.475.728	573.007.666
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.819.601.273	12.811.508.646
Thành phẩm	131.004.209.873	328.792.880.326
Hàng hóa	2.214.158.618	2.214.158.620
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u><u>175.214.481.739</u></u>	<u><u>372.850.647.510</u></u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	25.992.956.712	12.850.565.618
Cộng	<u><u>25.992.956.712</u></u>	<u><u>12.850.565.618</u></u>

10. Phải thu dài hạn khác:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	-	2.105.776.077
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.105.776.077</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	426.010.359.514	1.842.908.553.955	59.291.721.313	22.282.605.127	533.390.000	2.351.026.629.909
Tăng trong kỳ						
<i>Mua sắm mới</i>		234.000.000				234.000.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	313.321.500					313.321.500
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	426.323.681.014	1.843.142.553.955	59.291.721.313	22.282.605.127	533.390.000	2.351.573.951.409
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	190.532.159.261	863.126.773.002	49.694.929.338	20.310.421.645	174.397.413	1.123.838.680.659
Tăng trong kỳ						
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.931.461.418	701.408.880	410.348.403	126.635.502	12.592.350	3.182.446.553
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng do phân loại lại</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	192.463.620.679	863.828.181.882	50.105.277.741	20.437.057.147	186.989.763	1.127.021.127.212
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	235.478.200.253	979.781.780.953	9.596.791.975	1.972.183.482	358.992.587	1.227.187.949.250
Số cuối kỳ	233.860.060.335	979.314.372.073	9.186.443.572	1.845.547.980	346.400.237	1.224.552.824.197

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	5.563.580.614	9.187.279.718		14.750.860.332
Tăng trong kỳ do mua sắm				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ (phân loại)				
Số cuối kỳ	5.563.580.614	9.187.279.718		14.750.860.332
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	279.704.475	8.184.262.984		8.463.967.459
Tăng trong kỳ do khấu hao	9.323.484	153.022.728		162.346.212
Khấu hao TSCĐ phức lợi				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	289.027.959	8.337.285.712		8.626.313.671
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.283.876.139	1.003.016.734		6.286.892.873
Số cuối kỳ	5.274.552.655	849.994.006		6.124.546.661

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	-	-
XDCB dở dang	154.044.077.683	81.844.391.820
Dự án khu nhà làm việc, nhà ở CBCNV	21.733.914.349	21.733.914.349
Dự án Trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	86.193.239.589	30.161.090.391
Dự án khác	46.116.923.745	29.949.387.080
Cộng	154.044.077.683	81.844.391.820

14. Đầu tư vào Công ty con

Tên Công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2015	
	Theo g.phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	90%	90%	13.950.000	13.950.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	85,25%	100%		17.049.500.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	75%	100%	1.350.000	13.500.000.000
Công ty CP Nông công nghiệp DVTM Vân Sơn	95%	100%	1.140.000	11.400.000.000
Cộng				77.296.093.886

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2015	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Du lịch Thanh Hoá	46,31%	46,31%	55.562	10.533.790.000
Công ty CP ĐTVT L.Sơn - N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam - T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				47.033.790.000

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.490.700.000		15.490.700.000
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	231.420	2.314.200.000	231.420	2.314.200.000
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Cổ phiếu MB Land	90.000	900.000.000	90.000	900.000.000
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
Cộng		15.490.700.000		15.490.700.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(9.605.711.561)	(10.069.270.864)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(23.546.076.681)	(23.546.076.681)
Cộng	(33.151.788.242)	(33.615.347.545)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	KC vào chi phí	
			SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	20.334.780.126		198.114.786	20.136.665.341
Chi phí quy hoạch khu CNC	6.921.816.052	2.687.570.821	404.483.554	9.204.903.319
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	393.181.568		52.515.417	340.666.150
Cộng	27.649.777.746	2.687.570.821	655.113.757	29.682.234.810

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người trồng mía	2.643.706.923	17.099.936.894
Phải trả nhà cung cấp tại VPCT	34.568.996.254	14.622.590.620
Phải trả Nhà cung cấp tại CNC	177.973.074	305.511.784
Phải trả Nhà cung cấp tại Nhà máy Gạch	361.877.480	422.374.810
Cộng	<u>37.752.553.731</u>	<u>32.450.414.108</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	5.475.264.000	8.900.764.000
Cộng	<u>5.475.264.000</u>	<u>8.900.764.000</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.942.987.421	7.135.963.648	6.751.975.986	3.326.975.083
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		6.127.280.793	6.127.280.793	-
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế TNDN	3.307.565.543	4.547.001.255		7.854.566.798
Thuế TNCN	-	153.952.289	70.970.594	82.981.695
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	200.821.913			200.821.913
Tiền thuê đất, thuế nhà đất		989.289.477	989.289.477	-
Thuế khác	20.218.926	777.442.227	122.956.303	674.704.850
Cộng	<u>6.471.593.803</u>	<u>19.730.929.689</u>	<u>14.062.473.153</u>	<u>12.140.050.339</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ	5%
Cồn	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.794.927.515
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	2.143.466.574
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.143.466.574
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập tính thuế	18.938.394.089
Thuế TNDN hiện hành (22%)	4.166.446.700
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	(1.152.806.878)
Thuế TNDN hoãn lại	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.781.287.693
Thuế nhà đất	
Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.	
Các loại thuế khác	
Công ty kê khai và nộp theo qui định.	

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.457.550.993	1.203.056.258
Chi phí thu mua mía	-	5.491.481.462
Chi phí sửa đường giao thông vùng mía	2.339.341.037	-
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	587.683.707	-
Chi phí phải trả khác	443.601.409	24.568.404.360
Cộng	4.828.177.146	31.262.942.080

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	2.049.164.507	1.264.445.075
Kinh phí công đoàn	1.413.484.020	1.646.119.325
Cổ tức phải trả	60.297.868	60.297.868
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	62.000.120	64.012.620
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	68.319.216	111.332.842
Hoàn ứng	59.411.852	163.833.583
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	7.720.591.150	7.720.591.150
Bảo lãnh thực hiện HĐLĐ	850.000.000	850.000.000
Các khoản phải trả khác	14.873.640.851	8.382.129.547
Cộng	27.156.909.584	20.262.762.010

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	654.496.317.043	731.123.709.294
Vay dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>657.476.317.043</u>	<u>734.103.709.294</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay PS trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn NH	731.123.709.294	237.442.100.000	314.069.492.251	654.496.317.043
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	980.000.000	-	-	980.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Cộng	<u>734.103.709.294</u>	<u>237.442.100.000</u>	<u>314.069.492.251</u>	<u>657.476.317.043</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	23.063.535.453	23.063.535.453
Quỹ phúc lợi	1.301.958.864	2.444.213.864
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	42.164.074.443	43.808.767.880
Cộng	<u>66.529.568.760</u>	<u>69.316.517.197</u>

26. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay Công đoàn C.ty	-	-	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

27. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.276.411.784	-	-	557.120.085.592	-	31.795.594.927
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm							13.806.693.698
Lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ					7.601.400.000		(13.031.000.000)
Chia cổ tức năm nay							
Các khoản khác	-	(100.000.000)	-	-	639.355.899	-	1.237.375.649
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	565.360.841.491	-	33.808.664.274
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	565.360.841.491	-	33.808.664.274
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong kỳ							13.781.287.693
Lợi nhuận năm trước							
Trích lập các quỹ							
Chia cổ tức năm trước							
Chia cổ tức năm nay							
Các khoản khác					(13.494.612.059)		13.605.944.063 ^(*)
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	551.866.229.432	-	61.195.896.030

(*) Nghị quyết số 532NQ/ĐLS - HĐQT ngày 28/08/2015 của HĐQT đã quyết nghị chuyển quỹ dự phòng tài chính về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 13.494.612.059 đồng.

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng thêm sau quyết toán thuế năm 2014 là: 111.332.004 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành BQ trong kỳ	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

29. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	944.173.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	619.550.000
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	(394.200.000)
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	<u>1.169.523.593</u>

30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	83.334.664
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>83.334.664</u>

31. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa nhận giữ hộ	-	19.459.985.000
Cộng	-	<u>19.459.985.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**32. Nợ khó đòi đã xử lý**

Số đầu năm	1.594.806.581
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.594.806.581

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	344.544.900.730	317.310.016.879
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	335.506.895.766	316.765.280.753
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	207.981.301
Doanh thu khác	9.038.004.964	336.754.825
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	344.544.900.730	317.310.016.879
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	335.506.895.766	316.765.280.753
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	207.981.301
Doanh thu khác	9.038.004.964	336.754.825

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	291.178.899.152	272.323.917.053
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	15.483.953
Giá vốn của hàng bán khác	8.552.062.052	517.445.176
Cộng	299.730.961.204	272.856.846.182

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	50.861.003	74.674.399
Lãi tiền cho vay	1.949.761.977	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.144.960
Cộng	2.000.622.980	77.819.359

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.454.140.905	13.234.540.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.188.000
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	102.720.472	-
DP giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.734.314.367	2.046.997.650
Chi phí khác	-	-
Cộng	12.291.175.744	15.282.726.313

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.641.296.289	949.298.236
Chi phí vật liệu, bao bì	28.962.637	52.708.170
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.131.478	95.011.384
Chi phí khấu hao TSCĐ	378.635.010	283.200.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.783.635.300	3.552.765.207
Chi phí bằng tiền khác	491.703.708	242.689.203
Cộng	7.369.364.422	5.175.673.124

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.688.544.786	2.413.303.317
Chi phí vật liệu quản lý	62.909.047	26.359.830

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.128.637	121.145.180
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.296.568.935	1.290.030.751
Thuế, phí và lệ phí	1.006.893.816	26.847.679
Chi phí dự phòng, trợ cấp	546.380.375	299.725.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.274.259.400	989.065.856
Quỹ đầu tư phát triển KH	-	1.827.882.290
Chi phí bằng tiền khác	1.355.502.700	802.063.880
Cộng	8.309.187.696	7.796.424.283

7. Thu nhập khác

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản	-	-
Thu từ bán vật tư, phế liệu	-	-
Phạt vi phạm hợp đồng	900.000	10.000.000
Các khoản khác	16.801.485	82.164.473
Cộng	17.701.485	92.164.473

8. Chi phí khác

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ trong thời gian bảo trì	940.488.342	1.033.685.029
Phạt do vi phạm hợp đồng, phạt hành chính	387.600.000	-
Thuế phạt, truy thu	659.647.604	-
Các khoản khác	79.872.668	56.620.824
Cộng	2.067.608.614	1.090.305.853

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.781.287.693
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay
lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.781.287.693
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	197
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:	
	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000

VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		30/09/2015	30/09/2014
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	35,62	24,19
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	64,38	75,81
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,87	31,08
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,13	68,92
Khả năng thanh toán		30/09/2015	30/09/2014
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,71	3,22
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,03	1,42
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,16
Tỷ suất sinh lời giai đoạn từ 01/07 đến 30/09:		Năm 2015	Năm 2014
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	4,87	4,81
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	3,97	3,67
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	4,87	4,81
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	3,97	3,67

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,71	0,75
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,58	0,57
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0,92	0,93

2. Công cụ tài chính**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 30/09/2015		Tại ngày 30/06/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	16.335.707.069		15.558.653.641	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	205.673.644.386	(1.296.067.138)	153.598.373.882	(1.296.067.138)
Các khoản cho vay	78.462.460.647		79.866.967.860	
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn	15.490.700.000		15.490.700.000	
	315.962.512.102	(1.296.067.138)	264.514.695.383	(1.296.067.138)

	Giá trị sổ sách kế toán	
	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 30/06/2015
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	657.476.317.043	734.103.709.294
Phải trả người bán, phải trả khác	64.909.463.315	52.713.176.118
Chi phí phải trả	4.828.177.146	31.262.942.080
	727.213.957.504	818.079.827.492

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2015				
Tiền và tương đương tiền	16.335.707.069			16.335.707.069
Phải thu khách hàng, phải thu khác	205.673.644.386			205.673.644.386
Các khoản cho vay	78.462.460.647			78.462.460.647
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	300.471.812.102	15.490.700.000		315.962.512.102
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và tương đương tiền	15.558.653.641			15.558.653.641
Phải thu khách hàng, phải thu khác	151.492.597.805	2.105.776.077		153.598.373.882
Các khoản cho vay	79.866.967.860			79.866.967.860
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	246.918.219.306	17.596.476.077	-	264.514.695.383

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2015				
Vay và nợ	657.476.317.043		657.476.317.043	
Phải trả người bán, phải trả khác	64.909.463.315		64.909.463.315	
Chi phí phải trả	4.828.177.146		4.828.177.146	
	727.213.957.504		727.213.957.504	
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	734.103.709.294		734.103.709.294	
Phải trả người bán, phải trả khác	52.713.176.118		52.713.176.118	
Chi phí phải trả	31.262.942.080		31.262.942.080	
	818.079.827.492		818.079.827.492	

Tính đến thời điểm 30/09/2015, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2015 đến 30/09/2015, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 344.544.900.730 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là 334.753.730.667 đồng chiếm tỷ trọng 97,16%; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 2,84%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng chưa đến 3% tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/07/2014 đến 30/09/2014
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	-	2.238.413.881
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	28.554.000	-
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty con	-	6.032.486.000
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	49.480.000	-
Giao dịch bán hàng			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	-	1.621.437.300
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	-	350.070.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	1.363.678.000	-
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	3.334.309.524	4.183.809.524
Công ty CN DV TM Vân Sơn	Công ty con	4.192.788.302	4.004.325.802
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	21.267.284.254	17.940.218.475
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Phải thu khác			
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	2.178.930.000	2.178.930.000
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	-	2.105.776.077
Phải trả ngắn hạn người bán			
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	1.721.545.058	3.763.494.158

5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016) đạt 13.781.287.693 đồng tăng 2.122.469.672 đồng so với cùng kỳ. Tương đương tăng 18,20% so với cùng kỳ năm 2014 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 1.922.803.621 đồng so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính giảm 2.991.550.569 tỷ tương đương giảm 19,57% so với cùng kỳ năm trước.

Những nguyên nhân chính trên đã ảnh hưởng đến kết quả trong hoạt động SXKD Quý I kết thúc ngày 30/09/2015 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016) của Công ty CP mía đường Lam Sơn so với cùng kỳ năm 2014.

Người lập biểu

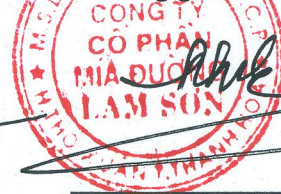
Lê Đức Anh

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập ngày 15 tháng 10 năm 2015

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương